

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ CHUBB LIFE

(Quý 1.2020)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

Tên quỹ: **Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb**

Loại hình quỹ: **Quỹ mở**

1. Mục tiêu của Quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà Đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định an toàn và một phần vào các cổ phiếu cơ bản có hoạt động kinh doanh tốt và được tự do chuyển nhượng với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các Nhà Đầu tư kết quả tốt nhất từ việc quản lý danh mục đầu tư phù hợp với các quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư và Pháp luật.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

| NAV ngày 31/12/2019 (VNĐ) | NAV ngày 31/03/2020 (VNĐ) |
|---------------------------|---------------------------|
| 103.421.498.423 | 104.656.121.822 |

Tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 1,19% so với giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ cuối Quý 4/2019.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục tập trung chủ yếu vào trái phiếu và tài sản có thu nhập cố định. Trong đó, trái phiếu sẽ bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu chuẩn bị niêm yết (trong vòng mười hai (12) tháng kể từ Ngày Giao dịch), chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo Pháp luật, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng có uy tín hoặc có cam kết mua lại của tổ chức phát hành, trong đó ưu tiên trái phiếu của các tổ chức phát hành là các công ty, tập đoàn lớn. Các tài sản thu nhập cố định khác bao gồm tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi hoặc hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng uy tín.

Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục đích bảo toàn vốn và mang lại lợi nhuận tối ưu cho Nhà Đầu tư. Ngoài ra, Quỹ có thể cân nhắc đầu tư vào một danh mục đa dạng với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của Pháp luật có giá trị vốn hóa lớn cũng như thanh khoản cao trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 58/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày

24 tháng 10 năm 2018 và Giấy chứng nhận thành lập Quỹ mở số 35/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 04 năm 2019.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 03/04/2019.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

| | |
|----------------------------------|-----------------|
| Vốn của quỹ theo mệnh giá (đồng) | 100.573.990.900 |
| Số lượng CCQ đang lưu hành (CCQ) | 10.057.399,09 |

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, số lượng Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 10.057.399,09 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 100.573.990.900VND.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ:

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị CCQ là 0 VND.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ:

| Cơ cấu tài sản quỹ | 31/03/2020 (%) | 31/03/2019 (%) | 31/03/2018 (%) |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Tiền gửi ngân hàng | 1,19 | N/A | N/A |
| 2. Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng | 85,71 | N/A | N/A |
| 3. Chứng chỉ tiền gửi | 9,52 | N/A | N/A |
| 4. Khác | 3,58 | N/A | N/A |
| Cộng | 100,00 | N/A | N/A |

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

| Chỉ tiêu | 31/03/2020 | 31/03/2019 | 31/03/2018 |
|--|-----------------|------------|------------|
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ) | 104.656.121.822 | N/A | N/A |
| 2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ) | 10.057.399,09 | N/A | N/A |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VNĐ) | 10.405,88 | N/A | N/A |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 10.405,88 | N/A | N/A |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | 10.276,01 | N/A | N/A |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VNĐ) | N/A (*) | N/A | N/A |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (*) | N/A | N/A |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VNĐ) | N/A (*) | N/A | N/A |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ so với đầu năm. | 1,28 | N/A | N/A |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,00 | N/A | N/A |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) so với đầu năm. | 1,28 | N/A | N/A |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A (**) | N/A | N/A |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A (**) | N/A | N/A |
| 2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A (**) | N/A | N/A |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2,06 | N/A | N/A |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 0 | N/A | N/A |

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| - 1 năm | N/A | N/A |
| - 3 năm | N/A | N/A |
| - Từ khi thành lập | 4,06% | 5,21% |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | 8,72% (***) | 8,57% |

4. Tăng trưởng hàng năm:

| Thời kỳ | 31/03/2020 (%) | 31/03/2018 (%) | 31/03/2017 (%) | 31/03/2016 (%) |
|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 5,21 | N/A | N/A | N/A |

Ghi chú:

N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

N/A (*): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

N/A (**): Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

(***): Quỹ áp dụng chỉ số tham chiếu là Chỉ số Trái phiếu Chính phủ năm (05) năm của HNX từ khi thành lập đến 31/03/2020.

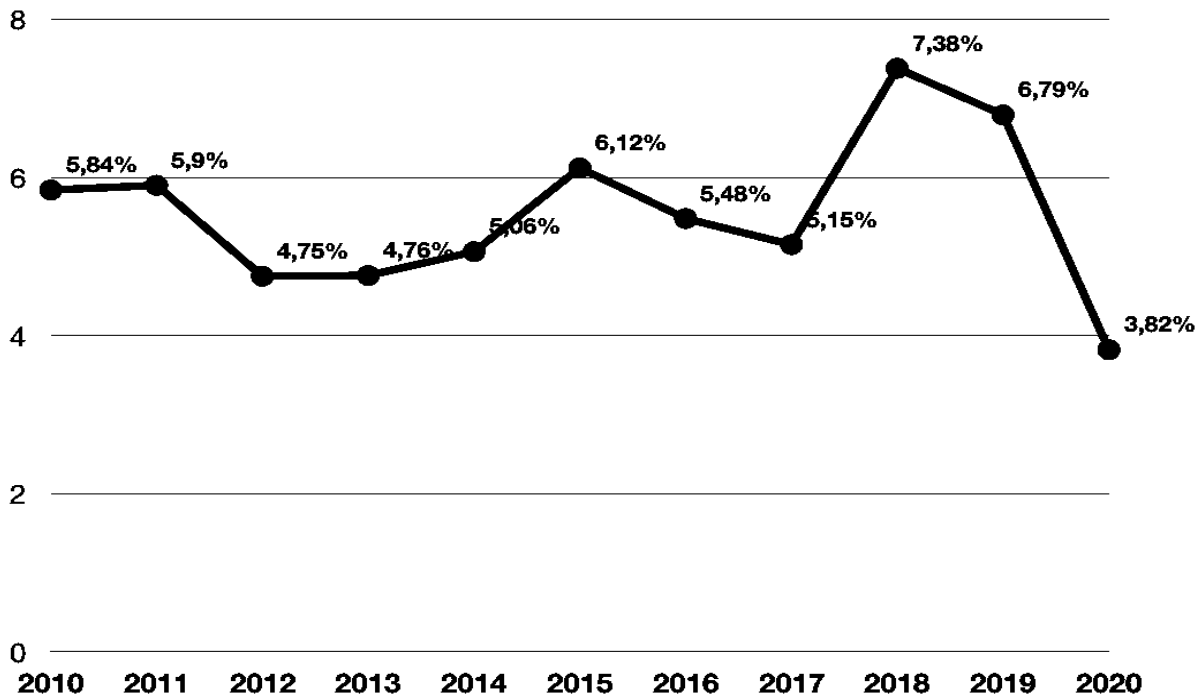
III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế Vĩ mô:

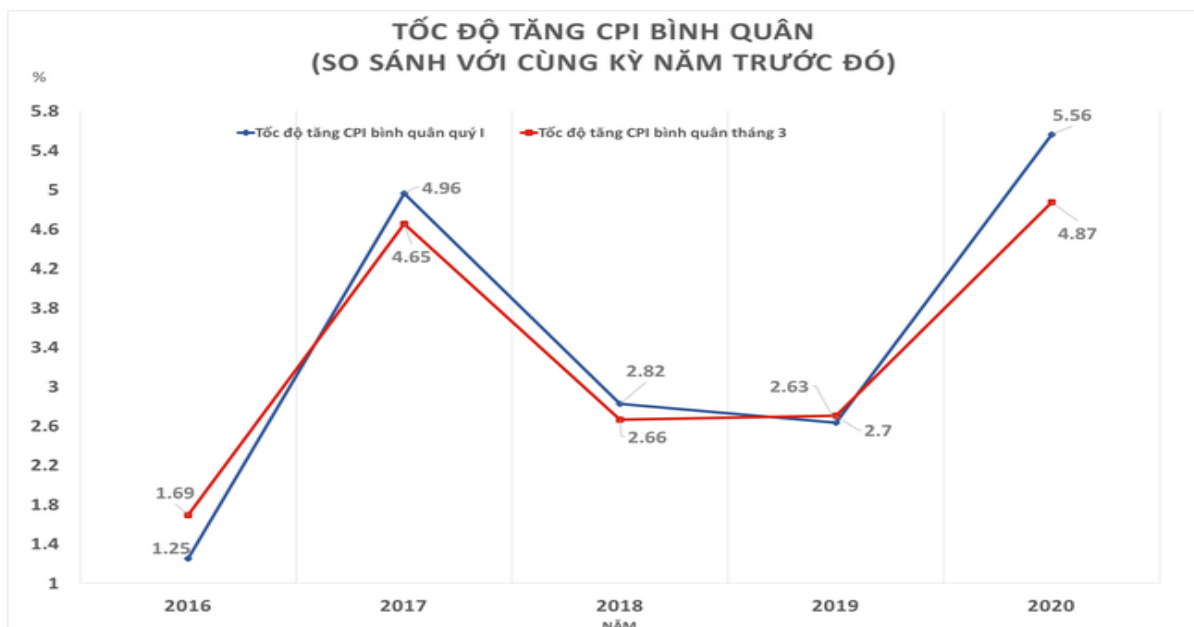
Nền kinh tế quý 1/2020 chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1/2020 tăng 3,82% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức thấp nhất trong 10 năm trở lại do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hầu hết các ngành lĩnh vực. Trong bối cảnh Covid 19 diễn biến phức tạp, GDP quý 2 được dự báo sẽ tăng 3,5% - 3,7% do hoạt động kinh doanh – sản xuất gián đoạn, đồng thời nhu cầu tiêu dùng cũng chịu ảnh hưởng nhất định. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam vẫn cho thấy hành động quyết liệt mạnh mẽ trong công tác phòng chống và kiểm soát dịch cùng những động thái hỗ trợ nền kinh tế, do đó GDP được kỳ vọng có thể hồi phục từ Quý 4. Theo ADB dự báo, tăng trưởng năm 2020 có thể đạt 4,8%.

GDP QUÝ I GIAI ĐOẠN 2010-2020



- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân Quý 1.2020 tăng 5,56% yoy, mức cao nhất từ năm 2016 trở lại. CPI quý 1 tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do nhu cầu giá các mặt hàng lương thực thực phẩm tăng cao. Bên cạnh đó, giá xăng dầu giảm và nhu cầu di chuyển, du lịch chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã góp phần giúp kiềm chế lạm phát. Trong bối cảnh các cấp ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ ngăn chặn dịch bệnh Covid-19 và ổn định thị trường, kỳ vọng lạm phát vẫn sẽ được kiểm soát tốt ở 3,4% - 3,9% cho cả năm 2020.



- **Về hoạt động sản xuất:** theo IHS Markit, chỉ số PMI trong tháng 3 của Việt Nam giảm mạnh xuống 41.9 điểm – đưa mức PMI trung bình trong Quý 1 xuống chỉ còn 47.2 điểm, giảm tới hơn 3 điểm so với Quý 4/2019. Đây là mức giảm mạnh nhất kể từ khi khảo sát được thực hiện ở Việt Nam. Nếu so trong khu vực Châu Á, chỉ số PMI trong Quý 1 của Việt Nam có mức giảm chỉ sau Trung Quốc và Philippines, cho thấy Covid-19 tiếp tục tác động mạnh đối với lĩnh vực sản xuất của Việt Nam. Đáng chú ý, số lượng đơn đặt hàng mới của tất cả các nước trong khu vực trong khảo sát đều giảm mạnh, tín hiệu cho thấy chỉ số PMI trong tháng 4 sẽ còn ở mức tệ hơn.

- **Hoạt động xuất nhập khẩu vẫn là điểm sáng trong lĩnh vực kinh tế trong quý 1-2020,** tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước vẫn đạt 39 tỉ USD, chỉ giảm 1,1% so với cùng kỳ. Cán cân thương mại hàng hóa cả nước thặng dư tới 2,8 tỉ USD. Tuy vậy, dự báo sẽ chịu tác động nặng nề bởi dịch Covid-19 trong giai đoạn sắp tới khi số đơn hàng trong các quý tới từ các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc không ngừng giảm dần.

- **Chính sách tiền tệ:** Ngày 16/3/2020, NHNN đã quyết định điều chỉnh các mức lãi suất. Theo đó, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6,0%/năm xuống 5,0%/năm; lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4,0%/năm xuống 3,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với NHTM giảm từ 7,0%/năm xuống 6,0%/năm; lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở giảm từ 4,0%/năm xuống 3,5%/năm. Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, động thái hạ lãi suất là thông điệp chính sách quan trọng với định hướng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời duy trì và giữ ổn định giá trị tiền đồng ở mức hợp lý.

2. Thị trường chứng khoán:

Quý đầu tiên của năm 2020 diễn ra không mấy êm ả với nền kinh tế toàn cầu. Căng thẳng chính trị Mỹ - Iran ngay những ngày đầu năm và đặc biệt biến cố dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên toàn cầu đã ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường tài chính toàn cầu và thị trường Việt Nam cũng không ngoại lệ. Kết thúc phiên giao dịch cuối quý 1 (31/3), chỉ số VN-Index dừng tại 662.53 điểm. Tại mức điểm này, định giá P/E của VN-Index chỉ còn 9,8 lần, thấp nhất trong vòng 5 năm.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
|---------------------------------------|---------------------------------|---|--|
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 2,17% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 0,00 |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 2,17% |
| Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | 5,21% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | N/A (1) | N/A (1) | N/A (1) |

| | | | |
|--|---------|---------|---------|
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | N/A (2) | N/A (2) | N/A (2) |
|--|---------|---------|---------|

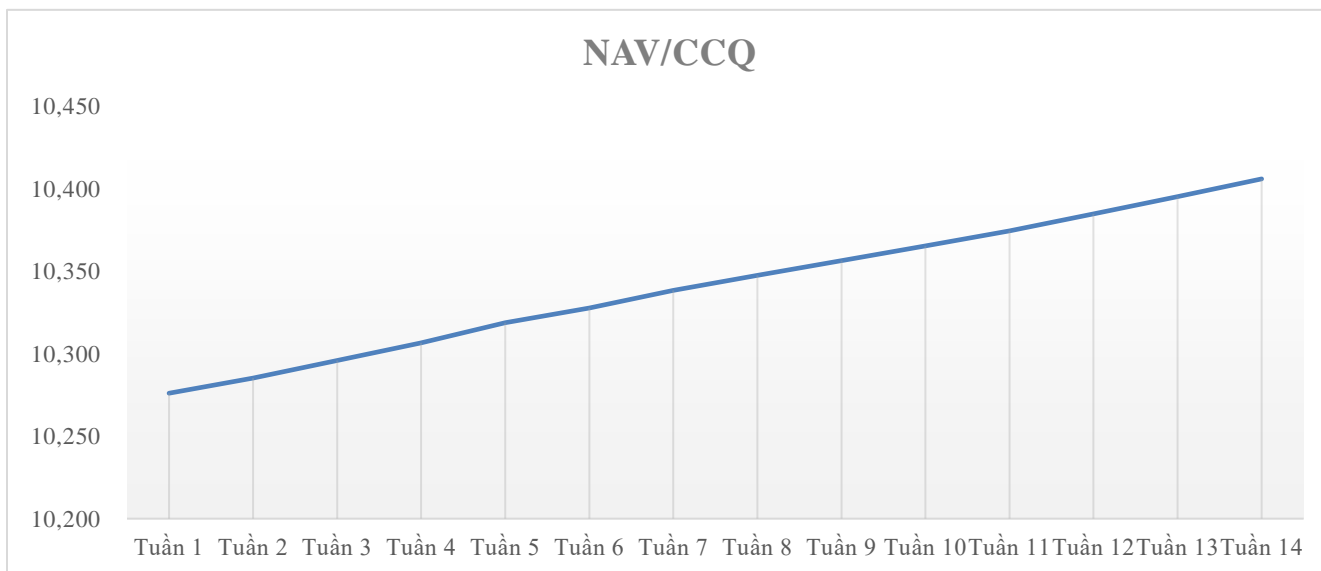
Ghi chú:

N/A: Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 03 tháng 04 năm 2019, nên các chỉ tiêu không đủ dữ liệu để tính toán.

N/A (1): Quỹ không sử dụng danh mục cơ cấu.

N/A (2): Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

- Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ trong 3 tháng gần nhất:



- Thay đổi giá trị tài sản ròng:

| Chỉ tiêu | 31/03/2020 | 31/12/2019 | Tỷ lệ thay đổi |
|--|-----------------|-----------------|--------------------|
| A | 1 | 2 | 3= ((1) - (2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 104.656.121.822 | 103.421.498.423 | 1,19% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 10.405,88 | 10.274,49 | 1,28% |

Trong giai đoạn từ 31/12/2019 đến 31/03/2020 giá trị tài sản ròng của Quỹ tăng 1,19% chủ yếu do lợi nhuận từ kết quả đầu tư mang lại.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):

| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|----------------|
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5.000 | 131 | 48.488,75 | 0,48% |
| Từ 5.000 - 10.000 | 6 | 49.420,50 | 0,49% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | - | - | 0,00% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | - | - | 0,00% |
| Trên 500.000 | 1 | 9.959.489,84 | 99,03% |
| Tổng cộng | 138 | 10.057,399,09 | 100,00% |

Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất.

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Xu hướng giảm được kỳ vọng chiếm ưu thế chủ đạo trên thị trường trái phiếu Chính phủ trong Quý 2 nhờ những yếu tố hỗ trợ:

- (1) Thanh khoản liên ngân hàng ổn định, lãi suất vẫn còn dư địa giảm điểm và sẽ được đề cập chi tiết hơn trong phần sau.
- (2) Lạm phát trong các tháng tới được kỳ vọng giảm nhẹ trong bối cảnh (i) mặt bằng giá xăng dầu được kỳ vọng duy trì ở mức tương đối thấp; (ii) nhu cầu văn hóa, giải trí, du lịch tiếp tục giảm và chưa có dấu hiệu cải thiện; cũng như (iii) động thái tích cực nhằm ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh và ổn định thị trường.
- (3) Nhu cầu đầu tư trái phiếu tiếp tục được duy trì khi khối lượng trái phiếu Chính phủ đáo hạn trong Quý 2 ước tính đạt 22.989 tỷ VNĐ, tương đương 16,4% tổng khối lượng trái phiếu đáo hạn trong năm 2020.

(4) Kỳ vọng của các thành viên trên thị trường cũng dần trở nên tích cực hơn trong bối cảnh Việt Nam đang ngăn chặn và kiểm soát khá tốt dịch bệnh Covid-19.

Từ các phân tích thị trường, CBPF tiếp tục duy trì chiến lược đầu tư thận trọng hạ thấp tỉ trọng các tài sản rủi ro trong giai đoạn sắp tới.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Quản lý Quỹ Chubb Life (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 52/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 10 năm 2013.

Nhân sự Ban điều hành công ty Quản lý quỹ gồm có:

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|--------------------|----------------------|----------|---|
| Lâm Hải Tuấn | Chủ tịch Công ty | Kỹ sư | Trước 2005: Ông Tuấn có kinh nghiệm làm việc tại các vị trí cấp cao của 2 tập đoàn tài chính, bảo hiểm toàn cầu là Metlife và Chubb Life. Từ 2005 - nay: Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam Từ 2012 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Chubb Life Việt Nam |
| Bùi Thanh Hiệp | Phó chủ tịch Công ty | CPA | Từ 2001 - 2005: Nắm giữ nhiều vị trí khác nhau tại Bộ phận tài chính – Manulife Việt Nam Từ 2005 - 2010: Kế toán trưởng – ACE Life Việt Nam Từ 2010 - 2011: Trưởng Bộ phận Tài chính – VPĐD Generali Assicurazioni s.p.A VN Từ 2011 - 2012: Kế toán trưởng - Chubb Life Việt Nam Từ 2012 - 2017: Phó chủ tịch - Chubb Life Việt Nam Từ 2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Chubb Life Việt Nam |
| Đặng Thị Hồng Loan | Giám đốc Công ty | CFA | Từ 2010 - 2016: Trưởng bộ phận Đầu tư và Ngân Quỹ Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt nam Từ 2016 - 2019: Phó Giám đốc bộ phận chiến lược xây dựng và phân tích Kế hoạch tài chính Công ty tài chính Prudential Việt Nam Từ 12/2019 - nay: Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life |

Ban đại diện quỹ gồm có:

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|------------------|------------|----------|---|
| Trịnh Thanh Cần | Chủ tịch | Cử nhân | <p>Từ 2000 - 2002: Trợ lý nghiên cứu - Công ty Quản lý quỹ Tower Mỹ</p> <p>Từ 2002 - 2003: Chuyên viên - Ngân hàng Downey Savings - Mỹ</p> <p>Từ 2003 - 2005: Chuyên viên đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Vinacapital Việt Nam</p> <p>Từ 2005 - 2006: Giám đốc Quan hệ KH - Ngân hàng HSBC Việt Nam</p> <p>Từ 2006 - 2007: Giám đốc đầu tư - Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt</p> <p>Từ 2007 - 2011: Giám đốc phân tích - Công ty Chứng khoán Bản Việt</p> <p>Từ 2011 - 2015: Giám đốc điều hành khối Tư vấn tài chính Doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán HSC</p> <p>Từ 2015 - nay: Tổng giám đốc - Công ty TNHH Chứng khoán ACB</p> |
| Nguyễn Trọng Đức | Thành viên | Thạc sỹ | <p>Từ 1995 - 1999: Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán KPMG</p> <p>Từ 1999 - 2000: Trưởng phòng KTNB - Công ty Victoria Việt Nam Group</p> <p>Từ 2000 - 2002: Giám đốc tài chính tập đoàn - Công ty Victoria Việt Nam Group</p> <p>Từ 2002 - 2004: Giám đốc tài chính - Công ty Philips Electronics Việt nam.</p> <p>Từ 2004 - 2015: Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.</p> <p>Từ 2015 - 2018: Giám đốc điều hành hoạt động/Giám đốc tài chính - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam</p> <p>Từ 6/2018 - nay: Tổng giám đốc - Công ty Ogilvy & Mather Việt Nam.</p> |

| | | | |
|-----------------|------------|---------|---|
| Trần Việt Hương | Thành viên | Luật sư | <p>Từ 1995 - 1997: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty kiểm toán và tư vấn Cooper & Lybrand – AISC</p> <p>Từ 1998 - 2000: Tư vấn thuế & Đầu tư - Công ty Kiểm toán KPMG</p> <p>Từ 2000 - 2003: Phó trưởng Đại diện - VPDD Pacific Rim Enterprises, LLC</p> <p>Từ 2003 - 2006: Phó giám đốc - Công ty TNHH Nhiệt Đới</p> <p>Từ 2006 - 2008: Phó Tổng giám đốc - Công ty CP An Gia</p> <p>Từ 2011 - nay: Luật sư thành viên - Công ty luật Avenir</p> <p>Từ 2010 - nay: Giám đốc Điều hành - Công ty TNHH Mễ Tân</p> |
|-----------------|------------|---------|---|

Nhân sự điều hành Quỹ gồm có:

| Họ và tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|----------------------|------------|----------|--|
| Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên | Cử nhân | <p>Từ 2003 - 2006: Nhân viên giao dịch – Cty Cổ phần Chứng Khoán Mê Kông.</p> <p>Từ 2007 - 2011: Trưởng phòng DVKH – Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.</p> <p>Từ 2011 - 2012: Trưởng phòng Môi giới – Cty CP Chứng khoán Golden Bridge.</p> <p>Từ 2013 - 2015: Phụ trách phòng Phát triển khách hàng – Công ty CP Chứng khoán MB. Từ 2014 – nay: Phó phòng Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.</p> |
| Đinh Thị Hồng Anh | Thành viên | Thạc sỹ | <p>Từ 2008-2010: Nhân viên kinh doanh vốn - Ngân hàng TMCP Á Châu.</p> <p>Từ 2012-2013: Chuyên viên đầu tư - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam</p> <p>Từ 2014 - nay: Giám sát cấp II - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Chubb Life.</p> |

ĐẠI DIỆN CÔNG TY QLQ CHUBB LIFE
Phó Chủ tịch Công ty
(Đã ký)

Bùi Thanh Hiệp

